

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **151/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/10/2023

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hương Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Trục.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Trương Công Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 685/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2023; giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thương H, sinh năm: 1978; địa chỉ: 6 T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên hệ: Số A Sông N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt tại phiên tòa.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số F T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị Lê Thị Thương H tại phiên tòa hôm nay đã xác định như sau:*

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thương H và anh Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu nhau được 3 năm rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số F T, phường P, thành phố H. Chị H và anh T chung sống hạnh phúc được một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã, anh T thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đánh đập chị H. Vào năm 2018 và năm 2020 chị H đã hai lần gửi đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án, sau đó được Tòa án phân tích, giải thích và anh T cũng đã thay đổi tính tình nên chị H đã rút đơn ly hôn và vợ chồng đã đoàn tụ quay trở về chung sống với nhau. Sau khi rút đơn được một thời gian anh T vẫn không thay đổi tính tình, có những hành động ghen tuông vô cớ, thường xuyên xúc phạm và bạo lực tinh thần với chị H. Ngoài ra anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, ham mê cờ bạc. Chị H đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mặc dù vợ chồng sống cùng nhà nhưng mọi sinh hoạt đều riêng biệt, nhận thấy tình cảm không còn, nên chị H đã trở về sinh sống tại địa chỉ Số A Sông N, phường A, thành phố H kể từ tháng 6 năm 2023 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Lê Thị Thương H và anh Nguyễn Minh T có 02 con chung khai sinh tên là: Nguyễn Lê Minh H1, sinh ngày 13/4/2009 và Nguyễn Lê Minh H2, sinh ngày 11/7/2012. Hiện nay hai con chung đang ở với chị H. Nếu Tòa án cho ly hôn thì chị H xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con H1, H2 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cả hai cháu một tháng 3000.000 đồng. (Mỗi cháu Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thương H trình bày chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa để anh T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Bản tự khai của cháu Nguyễn Lê Minh H2 và Nguyễn Lê Minh H1 thể hiện: Cháu H2, cháu H1 có nguyện vọng được ở với chị Lê Thị Thương H.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/9/2023, chính quyền địa phương phường P, thành phố H cho biết: Chị Lê Thị Thương H và anh Nguyễn Minh T kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P vào năm 2008. Trong quá trình chung sống tại địa phương, giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn gì không thì địa phương không nắm rõ. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều 93,94,95,96 và Điều 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

+ Đối với nguyên đơn: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+Đối với bị đơn: Vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thương H, cho chị Lê Thị Thương H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung tên là: Nguyễn Lê Minh H1, sinh ngày 13/4/2009 và Nguyễn Lê Minh H2, sinh ngày 11/7/2012 cho chị Lê Thị Thương H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con H1, H2 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H2 và cháu H1. Buộc anh Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 3000.000 đồng (Mỗi cháu 1.500.000 đồng/1tháng)

-Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thương H trình bày chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thương H và anh Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/3/2008, nên hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh T thiếu thiện chí hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị H thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của chị H quá trình Tòa án điều tra, xác minh thu thập chứng cứ, để có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gỗ đánh đập nhau, anh T Ham mê cờ bạc, cá độ. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay và không còn tình cảm với nhau nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng không thành, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Như vậy, xét thấy vợ chồng chị H, anh T có phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T là đúng quy định của pháp luật như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thương H và anh Nguyễn Minh T có 02 con chung tên là: Nguyễn Lê Minh H1, sinh ngày 13/4/2009 và Nguyễn Lê Minh H2, sinh ngày 11/7/2012. Hiện nay hai con chung đang ở với chị H. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu H2, cháu H1. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai con chung là Nguyễn Lê Minh H1 và Nguyễn Lê Minh H2 cho chị Lê Thị Thương H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con H1, H2 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) .

- Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Thương H yêu cầu anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 3.000.000 đồng(mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng). Xét yêu cầu của chị Lê Thị Thương H là chính đáng nên Hội đồng xét

xử buộc anh Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung một tháng là 3.000.000 đồng(Ba triệu đồng)(Mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng)

-Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thương H trình bày chị và anh Nguyễn Minh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm 2 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thương H, cho chị Lê Thị Thương H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Xử: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Lê Minh H1, sinh ngày 13/4/2009 và Nguyễn Lê Minh H2, sinh ngày 11/7/2012 cho chị Lê Thị Thương H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con H1, H2 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Hiện nay hai con chung đang ở với chị H. Anh Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 3.000.000 đồng(Ba triệu đồng)(Mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên (Đủ 18 tuổi).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thương H trình bày chị và anh Nguyễn Minh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thương H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0006458 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị H đã nộp đủ.

- Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- UBND phường Phú Hội, thành phố Huế (ĐKKH số 24 ngày 14/3/2008)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hương Lan**